

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 05 - 2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Văn Trung.

Ông Tạ Văn Doanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khúc Văn Bằng – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 05 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 43/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” của Tòa án nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 04 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày 12 tháng 12 năm 1994; căn cước công dân số 024194005300 ; địa chỉ : Tổ dân phố 1, phường S, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Tân Văn K, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1993; căn cước công dân số 024093014793; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường S, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/01/2026, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị và anh Tân Văn K được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và cùng nhau ký kết giấy đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2023 tại UBND xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay là phường S, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới chị về gia đình nhà chồng làm dâu và sống chung cùng anh Tân Văn K ngay. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ

đầu năm 2025, nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung và không có hạnh phúc, chị và anh K sống ly thân từ tháng 10/2025 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn anh Tân Văn K.

Về con chung: Vợ chồng sinh được 01 người con chung là Tân Khánh V, sinh ngày 01/11/2023. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con. Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Tân Văn K trình bày tại bản tự khai ghi ngày 02/02/2026 và biên bản ghi lời khai ngày 10/4/2026:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị L được tìm hiểu tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và cùng nhau ký kết giấy đăng ký kết hôn vào ngày 02/10/2023 tại UBND xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay là phường S, tỉnh Bắc Ninh). Sau ngày cưới chị Nguyễn Thị L về gia đình làm dâu và sống chung cùng anh ngay. Tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, nói không ai nghe ai. Từ tháng 10/2025 cho đến nay vợ chồng đã ly thân nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng chị L xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh sinh được 01 người con chung Tân Khánh V, sinh ngày 01/11/2023. Ly hôn, anh nhất trí để chị Nguyễn Thị L trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con. Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 6, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Tân Văn K.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng con chung Tân Khánh V, sinh ngày 01/11/2023. Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị L có đơn xin ly hôn, giải quyết về nuôi con đối với anh Tân Văn K. Bị đơn anh Tân Văn K có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 1, phường S, tỉnh Bắc Ninh . Hội đồng xét xử xác định: Về quan hệ pháp luật đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5- Bắc Ninh, theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Tân Văn K đều đã có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Tân Văn K trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường S, tỉnh Bắc Ninh) vào ngày 02 tháng 10 năm 2023. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Tân Văn K là hợp pháp.

Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau, bất đồng về quan điểm sống. Chị L và anh K sống ly thân đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh K đã trầm trọng kéo dài, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Tân Văn K.

[4]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Tân Văn K sinh được 01 người con chung Tân Khánh V, sinh ngày 01/11/2023. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi con, anh K cũng nhất trí. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): Các bên đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét giải quyết

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc Hội, chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Tân Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Tân Khánh V, sinh ngày 01/11/2023 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn anh Tân Văn K có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001024 ngày 29 tháng 01 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5, tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- UBND phường S;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Huân

